



PHÒNG THI SỐ: 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khoa 81, ngày 20/01/2024

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0022410808	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	Kinh	10/01/2004	Bến Tre	P.507-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
2	000002	0021410034	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	Kinh	20/11/2003	Bình Dương	P.507-C1		12h30'		
3	000003	0022410691	Nguyễn Hồ Tiến Đạt	Nam	Kinh	24/3/2004	An Giang	P.507-C1		12h40'		
4	000004	0022410655	Lê Thùy Dương	Nữ	Kinh	16/5/2004	An Giang	P.507-C1		12h40'		
5	000005	0020411002	Nguyễn Duy	Nam	Kinh	24/10/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		12h50'		
6	000006	0022410671	Nguyễn Thị Trúc Giang	Nữ	Kinh	17/8/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		12h50'		
7	000007	0022410894	Nguyễn Thị Ngân Hà	Nữ	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		13h00'		
8	000008	0022410049	Nguyễn Ngô Nhật Hạ	Nữ	Kinh	10/11/2004	Tây Ninh	P.507-C1		13h00'		
9	000009	0020410957	Nguyễn Cẩm Hường	Nữ	Kinh	12/9/2002	Cà Mau	P.507-C1		13h10'		
10	000010	0020410907	Phạm Võ Ngân Huyền	Nữ	Kinh	28/10/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h10'		
11	000011	0022410447	Đỗ Ngọc Linh	Nữ	Kinh	02/3/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		13h20'		
12	000012	0022410804	Huỳnh Thị Trúc Linh	Nữ	Kinh	08/11/2004	Tiền Giang	P.507-C1		13h20'		
13	000013	0022411960	Huỳnh Thị Trúc Linh	Nữ	Kinh	10/7/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		13h30'		
14	000014	0020410365	Nguyễn Xuân Linh	Nữ	Kinh	18/9/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h30'		
15	000015	0021410391	Võ Thị Trúc Linh	Nữ	Kinh	04/7/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		13h40'		
16	000016	0022411466	Lê Nguyễn Châu Ngân	Nữ	Kinh	17/4/2004	Vĩnh Long	P.507-C1		13h40'		
17	000017	0021411496	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	Kinh	10/11/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		13h50'		
18	000018	0020410511	Nguyễn Thiên Ngân	Nữ	Kinh	27/7/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h50'		
19	000019	0022411385	Nguyễn Dạ Minh Ngọc	Nữ	Kinh	15/4/2004	Vĩnh Long	P.507-C1		14h00'		
20	000020	0021411539	Nguyễn Phương Bảo Ngọc	Nữ	Kinh	31/7/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		14h00'		
21	000021	0022411604	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	Kinh	28/9/2004	Hậu Giang	P.507-C1		14h10'		
22	000022	0022411588	Trần Thị Như Ngọc	Nữ	Kinh	18/7/2004	Đồng Tháp	P.507-C1		14h10'		
23	000023	0022410590	Nguyễn Trần Mỹ Nhân	Nữ	Kinh	26/11/2001	Long An	P.507-C1		14h20'		
24	000024	0022410811	Võ Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	03/3/2000	Bến Tre	P.507-C1		14h20'		
25	000025	0020411012	Nguyễn Ngọc Thảo Như	Nữ	Kinh	07/8/2002	Tiền Giang	P.507-C1		14h30'		
26	000026	0021410710	Võ Minh Quân	Nam	Kinh	08/12/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		14h30'		

Tổng số thí sinh: 26.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000027	0022410845	Đỗ Ngọc Thảo	Quyên	Nữ	Kinh	02/8/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1
2	000028	0022411464	Nguyễn Ngọc Phương	Quyên	Nữ	Kinh	10/10/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		12h30'	
3	000029	0022410797	Tăng Mỹ	Quyên	Nữ	Kinh	03/11/2004	An Giang	P.508-C1		12h40'	
4	000030	0019410357	Văn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	Kinh	17/6/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		12h40'	
5	000031	0020410896	Lê A	Rô	Nam	Kinh	18/01/2002	Đồng Tháp	P.508-C1		12h50'	
6	000032	0022410798	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	Kinh	09/11/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		12h50'	
7	000033	0022411433	Nguyễn Bùi Trúc	Thanh	Nữ	Kinh	15/9/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h00'	
8	000034	0022410897	Lê Thị Kim	Thảo	Nữ	Kinh	10/02/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h00'	
9	000035	0021410845	Lữ Thị Ngọc	Thơ	Nữ	Kinh	18/3/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		13h10'	
10	000036	0022410813	Phan Nguyễn Anh	Thư	Nữ	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h10'	
11	000037	0022410732	Nguyễn Diễm	Thúy	Nữ	Kinh	31/8/2004	Cần Thơ	P.508-C1		13h20'	
12	000038	0022411739	Nguyễn Thị Thuý	Tiên	Nữ	Kinh	09/01/2004	Tiền Giang	P.508-C1		13h20'	
13	000039	0020410854	Nguyễn Thị Thu	Trà	Nữ	Kinh	28/7/2002	Thanh Hóa	P.508-C1		13h30'	
14	000040	0022411586	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	19/02/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h30'	
15	000041	0022410121	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	17/4/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h40'	
16	000042	0020410754	Quách Phạm Bích	Trâm	Nữ	Kinh	11/02/2002	Kiên Giang	P.508-C1		13h40'	
17	000043	0021413406	Nguyễn Thị	Trân	Nữ	Kinh	22/12/2003	Cà Mau	P.508-C1		13h50'	
18	000044	0022410513	Võ Lưu Diễm	Trinh	Nữ	Kinh	09/10/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h50'	
19	000045	0022411483	Lê Đặng Hà	Vy	Nữ	Kinh	07/12/2004	Cần Thơ	P.508-C1		14h00'	
20	000046	0021411958	Lê Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	Kinh	21/12/2003	Bến Tre	P.508-C1		14h00'	
21	000047	0022411435	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	Kinh	27/7/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		14h10'	
22	000048	0022411655	Nguyễn Hồ Khánh	Vy	Nữ	Kinh	03/8/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		14h10'	
23	000049	0022410722	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	Kinh	18/7/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		14h20'	
24	000050	0022411912	Nguyễn Võ Thúy	Vy	Nữ	Kinh	26/3/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		14h20'	
25	000051	0020410811	Lâm Thị Tuyết	Xinh	Nữ	Kinh	21/9/2002	Đồng Tháp	P.508-C1		14h30'	
26	000052	0022411370	Lê Thị Kim	Xoàn	Nữ	Kinh	05/02/2004	Bạc Liêu	P.508-C1		14h30'	

Tổng số thí sinh: 26



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 81, ngày 20/01/2024

PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0022411145	Nguyễn Thị Mỹ	An	Nữ	Kinh	09/6/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1	
2	000002	0022410089	Phạm Bảo	An	Nam	Kinh	14/11/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		12h30'		
3	000003	0022410235	Võ Thị Cẩm	An	Nữ	Kinh	22/6/2004	Tây Ninh	P.401-C1		12h40'		
4	000004	0017410432	Nguyễn Thiên	Ân	Nam	Kinh	05/8/1999	Đồng Tháp	P.401-C1		12h40'		
5	000005	0022412609	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	Kinh	08/9/2004	Tiền Giang	P.401-C1		12h50'		
6	000006	0022411750	Lê Mai Tuyết	Anh	Nữ	Kinh	19/12/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		12h50'		
7	000007	0022412536	Lê Thị Phương	Anh	Nữ	Kinh	28/5/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		13h00'		
8	000008	0022412583	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	Kinh	09/10/2004	An Giang	P.401-C1		13h00'		
9	000009	0022412030	Nguyễn Văn	Anh	Nam	Kinh	29/6/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		13h10'		
10	000010	0022411416	Phạm Lê Minh	Anh	Nữ	Kinh	21/4/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		13h10'		
11	000011	0022410768	Trần Nguyễn Nguyệt	Anh	Nữ	Kinh	09/5/2004	Bến Tre	P.401-C1		13h20'		
12	000012	0020410050	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	Kinh	06/01/2002	Đồng Tháp	P.401-C1		13h20'		
13	000013	0022411493	Hồ Băng	Băng	Nữ	Kinh	23/9/2003	Đồng Tháp	P.401-C1		13h30'		
14	000014	0022410318	Lê Minh	Bằng	Nam	Kinh	27/5/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		13h30'		
15	000015	0022410292	Đoàn Quốc	Bảo	Nam	Kinh	21/02/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		13h40'		
16	000016	0020410634	Nguyễn Trần Huy	Bảo	Nam	Kinh	21/4/2002	Đồng Tháp	P.401-C1		13h40'		
17	000017	0022411098	Quách Thái	Bi	Nam	Hoa	02/5/2003	Bạc Liêu	P.401-C1		13h50'		
18	000018	0022410228	Nguyễn Trí	Bình	Nam	Kinh	13/3/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		13h50'		
19	000019	0022410681	Trần Thị Như	Bình	Nữ	Kinh	28/01/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		14h00'		
20	000020	0022411171	Phan Thị Kim	Chi	Nữ	Kinh	27/8/2004	Bến Tre	P.401-C1		14h00'		
21	000021	0022411513	Võ Thị Kim	Cương	Nữ	Kinh	14/3/2004	Bến Tre	P.401-C1		14h10'		
22	000022	0022411755	Đỗ Quốc	Cường	Nam	Kinh	25/10/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		14h10'		
23	000023	0022412507	Lương Khanh Trang	Dạ	Nữ	Kinh	10/01/2004	Đồng Tháp	P.401-C1		14h20'		
24	000024	0021411171	Trần Thị Nhiều	Đan	Nữ	Kinh	27/12/2003	An Giang	P.401-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Độc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000025	0022410971	Bùi Hoa	Đặng	Nam	Kinh	17/10/2003	Vĩnh Long	P.402-C1		14h30'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1
2	000026	0022411300	Phạm Thị Hoài	Đặng	Nữ	Kinh	11/4/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		14h30'	
3	000027	0022411831	Nguyễn Thanh	Đạt	Nam	Kinh	30/5/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		14h40'	
4	000028	0020410309	Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	Kinh	12/12/2002	Đồng Tháp	P.402-C1		14h40'	
5	000029	0022412045	Võ Thành	Đạt	Nam	Kinh	09/3/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		14h50'	
6	000030	0022411550	Võ Thị Ngọc	Đề	Nữ	Kinh	23/4/2004	Sóc Trăng	P.402-C1		14h50'	
7	000031	0022410500	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	Kinh	26/5/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		12h30'	
8	000032	0022410976	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	Nữ	Kinh	13/9/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		12h30'	
9	000033	0022411694	Nguyễn Khoa	Điền	Nam	Kinh	19/4/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		12h40'	
10	000034	0022410628	Võ Thị Ngọc	Diệu	Nữ	Kinh	26/5/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		12h40'	
11	000035	0022411562	Võ Thị Quỳnh	Dư	Nữ	Kinh	23/4/2004	Sóc Trăng	P.402-C1		12h50'	
12	000036	0022410767	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	Kinh	06/7/2004	Tiền Giang	P.402-C1		12h50'	
13	000037	0022410257	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	Kinh	22/8/2004	An Giang	P.402-C1		13h00'	
14	000038	0022410213	Bùi Thùy	Dương	Nữ	Kinh	07/02/2004	Long An	P.402-C1		13h00'	
15	000039	0022410220	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	05/12/2003	An Giang	P.402-C1		13h10'	
16	000040	0022411834	Đặng Khánh	Duy	Nam	Kinh	05/7/2004	Cà Mau	P.402-C1		13h10'	
17	000041	0022410875	Trần Thị Kim	Duy	Nữ	Kinh	24/7/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		13h20'	
18	000042	0022411964	Huỳnh Thị Cẩm	Duyên	Nữ	Kinh	28/02/2004	Cần Thơ	P.402-C1		13h20'	
19	000043	0022411330	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	Kinh	18/11/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		13h30'	
20	000044	0022411629	Trần Thị Ngọc	Duyên	Nữ	Kinh	01/11/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		13h30'	
21	000045	0022410322	Nguyễn Hồ Ninh	Em	Nam	Kinh	01/02/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		13h40'	
22	000046	0022410463	Trần Vĩnh	Em	Nam	Kinh	01/02/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		13h40'	
23	000047	0022410253	Trương Văn Tuấn	Em	Nam	Kinh	07/02/2004	Đồng Tháp	P.402-C1		13h50'	
24	000048	0022412489	Lê Huỳnh Trúc	Giang	Nữ	Kinh	30/12/2004	Tiền Giang	P.402-C1		13h50'	

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 81, ngày 20/01/2024

PHÒNG THI SỐ: 03

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000049	0022411166	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Nữ	Kinh	13/8/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		14h00'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1	
2	000050	0022411227	Lê Thị Tú	Hà	Nữ	Kinh	11/6/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		14h00'		
3	000051	0022411841	Lâm Gia	Hân	Nữ	Kinh	01/4/2004	Vĩnh Long	P.403-C1		14h10'		
4	000052	0022410629	Lưu Ngọc Bảo	Hân	Nữ	Kinh	15/02/2004	Tây Ninh	P.403-C1		14h10'		
5	000053	0022410600	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	05/01/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		14h20'		
6	000054	0022410796	Nguyễn Thị Kiều	Hân	Nữ	Kinh	13/10/2004	Bến Tre	P.403-C1		14h20'		
7	000055	0022410195	Nguyễn Thúy	Hân	Nữ	Kinh	15/01/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		14h30'		
8	000056	0022410216	Võ Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	12/7/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		14h30'		
9	000057	0022411878	Bùi Thúy	Hằng	Nữ	Kinh	24/9/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		14h40'		
10	000058	0022411628	Nguyễn Thị Trúc	Hằng	Nữ	Kinh	23/01/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		14h40'		
11	000059	0022412671	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	Kinh	17/02/2004	An Giang	P.403-C1		14h50'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
12	000060	0022412539	Huỳnh Phương	Hạnh	Nữ	Kinh	12/01/2004	Tiền Giang	P.403-C1		14h50'		
13	000061	0020410624	Ngô Hồng	Hạnh	Nữ	Kinh	19/12/2002	Đồng Tháp	P.403-C1		12h30'		
14	000062	0021411284	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	Kinh	31/12/2002	An Giang	P.403-C1		12h30'		
15	000063	0022412522	Trần Nguyễn Quang	Hiền	Nam	Kinh	23/8/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		12h40'		
16	000064	0022410795	Lê Hoàng	Hiệp	Nam	Kinh	20/01/2004	Bến Tre	P.403-C1		12h40'		
17	000065	0022411445	Phạm Chí	Hiếu	Nam	Kinh	15/9/2001	An Giang	P.403-C1		12h50'		
18	000066	0022411910	Phan Trung	Hiếu	Nam	Kinh	18/4/2004	Hậu Giang	P.403-C1		12h50'		
19	000067	0022410131	Huỳnh Tiến	Hiếu	Nam	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		13h00'		
20	000068	0022411880	Trương Thị Kiều	Hoa	Nữ	Kinh	20/9/2004	Bến Tre	P.403-C1		13h00'		
21	000069	0022411989	Lê Huỳnh Xuân	Hòa	Nữ	Kinh	14/02/2004	Tiền Giang	P.403-C1		13h10'		
22	000070	0021410256	Hà Thị Ánh	Hồng	Nữ	Kinh	24/8/2003	Đồng Tháp	P.403-C1		13h10'		
23	000071	0022410492	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	Nữ	Kinh	22/9/2004	An Giang	P.403-C1		13h20'		
24	000072	0022410255	Phạm Phi	Hùng	Nam	Kinh	02/12/2004	Đồng Tháp	P.403-C1		13h20'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 81, ngày 20/01/2024

PHÒNG THI SỐ: 04

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000073	0022411999	Lê Tuấn	Hung	Nam	Kinh	16/3/2004	Đồng Tháp	P.404-C1		13h30'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000074	0022410766	Nguyễn Diễm	Huong	Nữ	Kinh	27/12/2004	Đồng Tháp	P.404-C1		13h30'		
3	000075	0022410924	Triệu Thị Thanh	Huong	Nữ	Kinh	29/3/2004	Bến Tre	P.404-C1		13h40'		
4	000076	0022411515	Trương Hoàng	Hữu	Nam	Kinh	20/5/2001	Đồng Tháp	P.404-C1		13h40'		
5	000077	0022412357	Hồ Hoàng	Huy	Nam	Kinh	17/3/2004	Đồng Tháp	P.404-C1		13h50'		
6	000078	0022410826	Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	Kinh	21/3/2004	Tây Ninh	P.404-C1		13h50'		
7	000079	0022410705	Hà Văn	Huỳnh	Nam	Kinh	04/6/2004	Đồng Tháp	P.404-C1		14h00'		
8	000080	0022410726	Trần Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	09/7/2004	Bến Tre	P.404-C1		14h00'		
9	000081	0022410154	Vạn Ngọc Lê	Huỳnh	Nữ	Kinh	09/12/2004	Vĩnh Long	P.404-C1		14h10'		
10	000082	0021410304	Võ Thuý	Huỳnh	Nữ	Kinh	09/02/2003	Đồng Tháp	P.404-C1		14h10'		
11	000083	0020410085	Tiết Vĩ	Khang	Nam	Kinh	10/10/2001	Đồng Tháp	P.404-C1		14h20'		
12	000084	0021411363	Lê Quốc	Khanh	Nam	Kinh	25/4/2003	An Giang	P.404-C1		14h20'		
13	000085	0022411972	Đồng Quốc	Khánh	Nam	Kinh	03/9/2004	Cần Thơ	P.404-C1		14h30'		
14	000086	0022412725	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	Kinh	19/7/2001	Cà Mau	P.404-C1		14h30'		
15	000087	0020411239	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Nữ	Kinh	07/12/2002	Đồng Tháp	P.404-C1		14h40'		
16	000088	0022410142	Nguyễn Văn	Khánh	Nữ	Kinh	09/02/2004	Bến Tre	P.404-C1		14h40'		
17	000089	0022410529	Phương Gia	Khánh	Nam	Kinh	18/9/2004	Đồng Tháp	P.404-C1		14h50'		
18	000090	0022412747	Nguyễn Gia	Khiêm	Nam	Kinh	03/4/2000	Bến Tre	P.404-C1		14h50'		
19	000091	0022412252	Phạm Thị Anh	Khoa	Nữ	Kinh	24/5/2004	Vĩnh Long	P.404-C1		12h30'		
20	000092	0022412272	Võ Trường	Khoa	Nam	Kinh	06/4/2004	Bến Tre	P.404-C1		12h30'		
21	000093	0020410503	Huỳnh Lâm Minh	Khôi	Nam	Kinh	19/6/2002	Đồng Tháp	P.404-C1		12h40'		
22	000094	0022412448	Huỳnh Nhựt Anh	Khôi	Nam	Kinh	25/6/2004	Đồng Tháp	P.404-C1		12h40'		
23	000095	0020410588	Nguyễn Hoàng Anh	Khôi	Nam	Kinh	17/02/2002	Đồng Tháp	P.404-C1		12h50'		
24	000096	0022411998	Đinh Trung	Kiên	Nam	Kinh	08/10/2003	Cần Thơ	P.404-C1		12h50'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khóa 81, ngày 20/01/2024

PHÒNG THI SỐ: 05

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000097	0022411884	Nguyễn Trung Kiên		Nam	Kinh	21/9/2004	Đồng Tháp	P.405-C1		13h00'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000098	0022412161	Nguyễn Trung Kiên		Nam	Kinh	14/6/2604	Long An	P.405-C1		13h00'		
3	000099	086085001238	Trần Trương Minh Kiên		Nam	Kinh	14/5/1985	Vĩnh Long	P.405-C1		13h10'		
4	000100	0022411685	Đinh Hữu Kiệt		Nam	Kinh	08/9/2004	Vĩnh Long	P.405-C1		13h10'		
5	000101	0022411889	Lê Quốc Kiệt		Nam	Kinh	13/4/2004	Đồng Tháp	P.405-C1		13h20'		
6	000102	0022412616	Nguyễn Chí Kiệt		Nam	Kinh	03/9/2004	Đồng Tháp	P.405-C1		13h20'		
7	000103	0022410803	Trần Quốc Kiệt		Nam	Kinh	25/10/2004	Đồng Tháp	P.405-C1		13h30'		
8	000104	0022410345	Lê Thị Hoàng Kim		Nữ	Kinh	02/6/2004	Vĩnh Long	P.405-C1		13h30'		
9	000105	0022410126	Võ Thị Bích Liễu		Nữ	Kinh	26/10/2003	Đồng Tháp	P.405-C1		13h40'		
10	000106	0020410701	Nguyễn Ngọc Nhã Linh		Nữ	Kinh	16/8/2002	TP HCM	P.405-C1		13h40'		
11	000107	0016411002	Nguyễn Phùng Xuân Linh		Nữ	Kinh	09/8/1998	Bình Thuận	P.405-C1		13h50'		
12	000108	0022411607	Nguyễn Yến Linh		Nữ	Kinh	25/11/2004	Đồng Tháp	P.405-C1		13h50'		
13	000109	0022410456	Trần Nhã Linh		Nữ	Kinh	16/6/2004	Vĩnh Long	P.405-C1		14h00'		
14	000110	0022411938	Phạm Thị Kim Loan		Nữ	Kinh	30/9/2004	Đồng Tháp	P.405-C1		14h00'		
15	000111	0022410301	Võ Thị Hồng Loan		Nữ	Kinh	23/01/2004	Đồng Tháp	P.405-C1		14h10'		
16	000112	0021413724	Bùi Tuấn Luân		Nam	Kinh	10/9/2003	Đồng Tháp	P.405-C1		14h10'		
17	000113	0022412205	Đặng Tấn Luật		Nam	Kinh	29/01/2004	Tiền Giang	P.405-C1		14h20'		
18	000114	0022412667	Phạm Ngọc Lượng		Nam	Kinh	04/02/2004	Cần Thơ	P.405-C1		14h20'		
19	000115	0022412571	Nguyễn Phong Lưu		Nam	Kinh	22/11/2004	Bến Tre	P.405-C1		14h30'		
20	000116	0022411490	Cao Thị Cẩm Ly		Nữ	Kinh	04/7/2004	Đồng Tháp	P.405-C1		14h30'		
21	000117	0022410643	Châu Lê Yên Ly		Nữ	Kinh	20/01/2004	Tiền Giang	P.405-C1		14h40'		
22	000118	0022412231	Lê Ngọc Ly		Nữ	Kinh	06/12/2004	Cà Mau	P.405-C1		14h40'		
23	000119	0022411895	Nguyễn Thị Trúc Ly		Nữ	Kinh	29/11/2004	Vĩnh Long	P.405-C1		14h50'		
24	000120	0022411723	Trần Thị Quỳnh Mai		Nữ	Kinh	05/5/2004	Vĩnh Long	P.405-C1		14h50'		

Phòng
tập
trung
chờ
thi:
308-
C1

Tổng số thí sinh: 24.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000121	0022410130	Trần Thị Xuân Mai	Nữ	Kinh	21/12/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1
2	000122	0022411453	Đinh Lê Minh	Nam	Kinh	08/6/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			12h30'	
3	000123	0021410432	Ngô Thái My	Nữ	Kinh	07/02/2003	Đồng Tháp	P.406-C1			12h40'	
4	000124	0022412376	Cao Thiện Mỹ	Nam	Kinh	31/10/2000	Cà Mau	P.406-C1			12h40'	
5	000125	0022412018	Bùi Phương Nam	Nam	Kinh	16/02/2003	Tiền Giang	P.406-C1			12h50'	
6	000126	0020410729	Khả Nhựt Nam	Nam	Kinh	01/8/2001	Đồng Tháp	P.406-C1			12h50'	
7	000127	0022411664	Võ Hoài Nam	Nam	Kinh	31/8/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			13h00'	
8	000128	0022410889	Nguyễn Thị Ngọc Nền	Nữ	Kinh	15/6/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			13h00'	
9	000129	0022412515	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	Kinh	15/02/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			13h10'	
10	000130	0022410791	Bùi Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	09/8/2004	Trà Vinh	P.406-C1			13h10'	
11	000131	0022411909	Nguyễn Phạm Thanh Ngân	Nữ	Kinh	05/5/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			13h20'	
12	000132	0022412432	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			13h20'	
13	000133	0020410047	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	06/5/2002	Đồng Tháp	P.406-C1			13h30'	
14	000134	0021413833	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	10/5/2003	Cần Thơ	P.406-C1			13h30'	
15	000135	0022412533	Phan Thị Ngọc Ngân	Nữ	Kinh	27/8/2004	Vĩnh Long	P.406-C1			13h40'	
16	000136	0022411875	Trần Thanh Ngân	Nữ	Kinh	27/9/2004	Bạc Liêu	P.406-C1			13h40'	
17	000137	0022410055	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	01/9/2004	Tiền Giang	P.406-C1			13h50'	
18	000138	0022411267	Châu Nhã Nghi	Nữ	Kinh	04/12/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			13h50'	
19	000139	0022410342	Phạm Thị Ngoan	Nữ	Kinh	18/5/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			14h00'	
20	000140	0022310046	Dur Thị Mỹ Ngọc	Nữ	Kinh	07/9/2003	Đồng Tháp	P.406-C1			14h00'	
21	000141	0022411720	Lê Chúc Ngọc	Nữ	Kinh	03/10/2003	Đồng Tháp	P.406-C1			14h10'	
22	000142	0022412716	Lê Thị Kim Ngọc	Nữ	Kinh	04/11/2004	Bến Tre	P.406-C1			14h10'	
23	000143	0022410700	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	Kinh	11/01/2004	Đồng Tháp	P.406-C1			14h20'	
24	000144	0022410133	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	01/5/2004	Bến Tre	P.406-C1			14h20'	

Tổng số thí sinh: 24

Khóa 81, ngày 20/01/2024

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000145	0022411491	Võ Đăng	Nguyên	Nam	Kinh	24/02/2004	Tiền Giang	P.407-C1		14h30'	Phòng tập trung chờ thi: 404- C1	
2	000146	0021410551	Lê Thị Như	Nguyệt	Nữ	Kinh	06/9/2003	Đồng Tháp	P.407-C1		14h30'		
3	000147	0022411791	Lê Hữu	Nhân	Nam	Kinh	23/02/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h40'		
4	000148	0022410306	Trương Võ Hoài	Nhân	Nam	Kinh	09/01/2004	Tiền Giang	P.407-C1		14h40'		
5	000149	0022410715	Võ Hoàng	Nhân	Nam	Kinh	13/3/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h50'		
6	000150	0022412440	Đoàn Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	04/02/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h50'		
7	000151	0021412856	Dương Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	05/3/2003	Đồng Tháp	P.407-C1		12h30'		
8	000152	0021410580	Hồ Yến	Nhi	Nữ	Kinh	30/7/2003	An Giang	P.407-C1		12h30'		
9	000153	0022410316	Lê Võ Yến	Nhi	Nữ	Kinh	08/7/2004	Bạc Liêu	P.407-C1		12h40'		
10	000154	0022412642	Nguyễn Ngọc Mẫn	Nhi	Nữ	Kinh	23/01/2004	Vĩnh Long	P.407-C1		12h40'		
11	000155	0022410251	Nguyễn Tường	Nhi	Nữ	Kinh	25/6/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		12h50'		
12	000156	0022410284	Phạm Ngọc Ánh	Nhi	Nữ	Kinh	31/12/2004	Bến Tre	P.407-C1		12h50'		
13	000157	0022412467	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	18/02/2004	An Giang	P.407-C1		13h00'		
14	000158	0022410800	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	01/01/2004	Bến Tre	P.407-C1		13h00'		
15	000159	0022411715	Hồ Nguyệt Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	26/6/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h10'		
16	000160	0022411274	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	01/3/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h10'		
17	000161	0022412248	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	12/11/2004	Cà Mau	P.407-C1		13h20'		
18	000162	0022410152	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	22/12/2003	Đồng Tháp	P.407-C1		13h20'		
19	000163	0022411827	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	21/01/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h30'		
20	000164	0022412518	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	14/3/2004	Tiền Giang	P.407-C1		13h30'		
21	000165	0022412233	Phạm Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	17/8/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h40'		
22	000166	0022411585	Phạm Thị Kiều	Như	Nữ	Kinh	24/11/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h40'		
23	000167	0022411551	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h50'		
24	000168	0022411636	Trương Ngọc	Như	Nữ	Kinh	20/10/2004	Hậu Giang	P.407-C1		13h50'		
25	000169	0022411478	Nguyễn Thị Kim	Nhung	Nữ	Kinh	09/4/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h00'		
26	000170	0022410709	Phan Thái Bích	Nhung	Nữ	Kinh	30/10/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h00'		

Tổng số thí sinh: 26

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000171	0022412431	Tô Tuyết Nhung		Nữ	Kinh	25/5/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		14h10'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1	
2	000172	0022410415	Nguyễn Thị Nờ		Nữ	Kinh	24/12/2003	Đồng Tháp	P.408-C1		14h10'		
3	000173	0022411170	Nguyễn Thị Ngọc		Nữ	Kinh	30/8/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		14h20'		
4	000174	0022410443	Nguyễn Thị Thuỳ Oanh		Nữ	Kinh	04/9/2003	Đồng Tháp	P.408-C1		14h20'		
5	000175	0022410485	Nguyễn Thị Diệu Phàm		Nữ	Kinh	19/3/2003	Đồng Tháp	P.408-C1		14h30'		
6	000176	0022411560	Phạm Thị Hồng Phấn		Nữ	Kinh	21/5/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		14h30'		
7	000177	0022411436	Lê Diên Phú		Nam	Kinh	26/9/2004	Bến Tre	P.408-C1		14h40'		
8	000178	0022410892	Cao Văn Phúc		Nam	Kinh	27/5/2004	Cần Thơ	P.408-C1		14h40'		
9	000179	0021410685	La Đoàn Nguyên Phúc		Nam	Kinh	10/12/2003	TP HCM	P.408-C1		14h50'		
10	000180	0022412144	Lê Thanh Phúc		Nam	Kinh	09/02/2004	Vĩnh Long	P.408-C1		14h50'		
11	000181	0022410148	Phạm Lê Phúc		Nam	Kinh	29/10/2004	Vĩnh Long	P.408-C1		14h50'		
12	000182	0022411593	Phan Hoàng Phúc		Nam	Kinh	09/01/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		14h50'		
13	000183	0022411714	Lê Minh Phụng		Nam	Kinh	14/10/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 408-C1	
14	000184	0022310029	Nguyễn Thị Kim Phụng		Nữ	Kinh	22/02/1999	Đồng Tháp	P.408-C1		12h30'		
15	000185	0022411027	Lê Thị Mỹ Phường		Nữ	Kinh	10/9/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		12h40'		
16	000186	0022411211	Võ Thị Ngọc Phụng		Nữ	Kinh	08/01/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		12h40'		
17	000187	0022410719	Nguyễn Minh Quân		Nam	Kinh	02/6/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		12h50'		
18	000188	0022411649	Trần Thị Quý		Nữ	Kinh	14/01/2004	Đồng Tháp	P.408-C1		12h50'		
19	000189	0022412178	Phạm Văn Quý		Nam	Kinh	10/7/2004	An Giang	P.408-C1		13h00'		
20	000190	0022411510	Cù Thị Kim Quyên		Nữ	Kinh	17/10/2004	Bến Tre	P.408-C1		13h00'		
21	000191	0022410994	Hồ Lê Tố Quyên		Nữ	Kinh	26/8/2004	Vĩnh Long	P.408-C1		13h10'		
22	000192	0020410487	Huỳnh Tố Quyên		Nữ	Kinh	22/12/2002	Kiên Giang	P.408-C1		13h10'		
23	000193	0022411904	Nguyễn Thị Thúy Quyên		Nữ	Kinh	20/4/2004	Bến Tre	P.408-C1		13h20'		
24	000194	0022411965	Trần Thị Tú Quyên		Nữ	Kinh	02/12/2004	Hậu Giang	P.408-C1		13h20'		
25	000195	0022411504	Hồ Như Quỳnh		Nữ	Kinh	17/01/2004	Bến Tre	P.408-C1		13h30'		
26	000196	0022410147	Ngô Nguyễn Trúc Quỳnh		Nữ	Kinh	07/11/2004	Bến Tre	P.408-C1		13h30'		

Tổng số thí sinh: 26

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000197	0022410328	Võ Thị Ngọc Rạng	Nữ	Kinh	28/6/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'	Phòng tập trung chờ thi: 408-C1	
2	000198	0022411786	Lâm Phú Sang	Nam	Kinh	17/5/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'		
3	000199	0022410987	Phạm Minh Sang	Nam	Kinh	04/6/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h50'		
4	000200	0022411193	Nguyễn Văn Sĩ	Nam	Kinh	28/4/2004	Kiên Giang	P.501-C1		13h50'		
5	000201	0022410667	Hồ Diệu Tâm	Nữ	Kinh	11/12/2004	Long An	P.501-C1		14h00'		
6	000202	0022412592	Hồ Thị Tâm	Nữ	Kinh	03/11/2003	Hà Tĩnh	P.501-C1		14h00'		
7	000203	0022411734	Lê Thanh Tâm	Nam	Kinh	11/6/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		14h10'		
8	000204	0022411413	Võ Thanh Tâm	Nam	Kinh	13/10/2004	Bến Tre	P.501-C1		14h10'		
9	000205	0022410711	Phạm Phước Tân	Nam	Kinh	24/9/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		14h20'		
10	000206	0022412748	Đỗ Hoàng Thái	Nam	Kinh	01/6/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		14h20'		
11	000207	0022410258	Phạm Hoàng Thái	Nam	Kinh	18/01/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		14h30'		
12	000208	0020410218	Võ Lê Quốc Thái	Nam	Kinh	19/9/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		14h30'		
13	000209	0022412641	Hồ Văn Thanh	Nam	Kinh	18/5/2003	Bến Tre	P.501-C1		14h40'		
14	000210	0022410840	Bùi Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	08/9/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		14h40'		
15	000211	0020411219	Đoàn Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	01/02/1998	Đồng Tháp	P.501-C1		14h50'		
16	000212	0022410650	Hồ Thị Thảo	Nữ	Kinh	19/7/2004	An Giang	P.501-C1		14h50'		
17	000213	0022411812	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	Nữ	Kinh	24/01/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		14h50'		
18	000214	0022411916	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ	Kinh	12/8/2004	Kiên Giang	P.501-C1		14h50'		
19	000215	0022410020	Nguyễn Thị Ánh Thi	Nữ	Kinh	07/11/2004	Bến Tre	P.501-C1		12h30'		
20	000216	0020410874	Nguyễn Phước Thiện	Nam	Kinh	02/02/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		12h30'		
21	000217	0022410718	Hứa Hữu Thịnh	Nam	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		12h40'		
22	000218	0021413867	Huỳnh Phúc Thịnh	Nam	Kinh	10/10/2003	Long An	P.501-C1		12h40'		
23	000219	0022412442	Ngô Hưng Thịnh	Nam	Kinh	22/6/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'		
24	000220	0022412381	Huỳnh Ngọc Thơ	Nữ	Kinh	30/12/2003	Cà Mau	P.501-C1		12h50'		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000221	0022411898	Trương Thị Bé Thon	Nữ	Kinh	01/01/2004	Cà Mau	P.502-C1		13h00'	Phòng tập trung chờ thi: 408-C1	
2	000222	0022410035	Lê Trần Minh Thư	Nữ	Kinh	06/5/2004	Bến Tre	P.502-C1		13h00'		
3	000223	0022410559	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Nữ	Kinh	21/3/2004	Vĩnh Long	P.502-C1		13h10'		
4	000224	0022410175	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	Kinh	04/4/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h10'		
5	000225	0022410642	Trần Thị Thanh Thư	Nữ	Kinh	23/02/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h20'		
6	000226	0022410125	Châu Bích Thuận	Nữ	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h20'		
7	000227	0022412265	Lê Gia Thuận	Nam	Kinh	19/01/2004	Long An	P.502-C1		13h30'		
8	000228	0022411313	Phạm Nguyễn Hải Thuận	Nữ	Kinh	26/12/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h30'		
9	000229	0022411429	Nguyễn Minh Thức	Nam	Kinh	04/11/2004	TP HCM	P.502-C1		13h40'		
10	000230	0022411941	Lê Nguyễn Thương	Nam	Kinh	10/12/2004	Bến Tre	P.502-C1		13h40'		
11	000231	0022410532	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	Kinh	26/6/2004	Cần Thơ	P.502-C1		13h50'		
12	000232	0022411579	Bùi Ngọc Thường	Nữ	Kinh	15/5/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h50'		
13	000233	0022411935	Lương Thị Diễm Thuý	Nữ	Kinh	25/3/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		14h00'		
14	000234	0022410848	Trương Thị Thanh Thuý	Nữ	Kinh	29/01/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		14h00'		
15	000235	0022412238	Đặng Thị Ngọc Thùy	Nữ	Kinh	28/3/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		14h10'		
16	000236	0022412397	Lê Thị Bích Thùy	Nữ	Kinh	02/01/2004	Tây Ninh	P.502-C1		14h10'		
17	000237	0022411668	Lê Thị Xuân Thùy	Nữ	Kinh	27/3/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		14h20'		
18	000238	0022410024	Nguyễn Huỳnh Bảo Thy	Nữ	Kinh	16/7/2003	Tây Ninh	P.502-C1		14h20'		
19	000239	0022412543	Nguyễn Ngọc Mai Thy	Nữ	Kinh	13/8/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		14h30'		
20	000240	0021413315	Phạm Ngọc Yến Thy	Nữ	Kinh	02/10/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		14h30'		
21	000241	0022411887	Đặng Võ Trung Tín	Nam	Kinh	18/11/2004	Bến Tre	P.502-C1		14h40'		
22	000242	0022410172	Đặng Trung Tính	Nam	Kinh	17/12/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		14h40'		
23	000243	0022412469	Văng Công Tình	Nam	Kinh	28/6/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		14h50'		
24	000244	0021411840	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	05/9/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		14h50'		

Tổng số thí sinh: 24

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	Địa điểm
1	000245	0022412751	Phan Thị Bích Trâm	Nữ	Kinh	07/9/2004	Đồng Tháp	P.503-C1			14h50'	Phòng chờ: 408-
2	000246	0022411229	Phan Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	04/6/2004	Đồng Tháp	P.503-C1			14h50'	
3	000247	0022410265	Bùi Hồ Bảo Trân	Nữ	Kinh	09/4/2004	Đồng Tháp	P.503-C1			12h30'	
4	000248	0022410363	Nguyễn Thị Huyền Trân	Nữ	Kinh	15/8/2004	Tiền Giang	P.503-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1
5	000249	0022410627	Lương Thị Thuý Trang	Nữ	Kinh	02/01/2004	Bến Tre	P.503-C1			12h40'	
6	000250	0020410200	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	Kinh	11/01/2002	Đồng Tháp	P.503-C1			12h40'	
7	000251	0022411753	Nguyễn Thụy Đoan Trang	Nữ	Kinh	09/8/2004	Tiền Giang	P.503-C1			12h50'	
8	000252	0022411595	Nguyễn Trúc Thu Trang	Nữ	Kinh	13/3/2004	Trà Vinh	P.503-C1			12h50'	
9	000253	0022411766	Lê Minh Trí	Nam	Kinh	14/02/2003	Đồng Tháp	P.503-C1			13h00'	
10	000254	0022411728	Võ Minh Trí	Nam	Kinh	18/02/2002	Đồng Tháp	P.503-C1			13h00'	
11	000255	0022410422	Lê Thị Diễm Trinh	Nữ	Kinh	03/3/2004	Hậu Giang	P.503-C1			13h10'	
12	000256	0022411741	Lương Thị Diễm Trinh	Nữ	Kinh	19/02/2004	Bến Tre	P.503-C1			13h10'	
13	000257	0022411038	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Nữ	Kinh	20/3/2004	Đồng Tháp	P.503-C1			13h20'	
14	000258	0022411727	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Nữ	Kinh	12/5/2004	Bến Tre	P.503-C1			13h20'	
15	000259	0022410713	Nguyễn Thị Việt Trinh	Nữ	Kinh	09/8/2004	Đồng Tháp	P.503-C1			13h30'	
16	000260	0022411868	Quách Nguyễn Diễm Trinh	Nữ	Kinh	03/5/2004	Cà Mau	P.503-C1			13h30'	
17	000261	0022412073	Trần Thị Trinh	Nữ	Kinh	24/6/2004	Long An	P.503-C1			13h40'	
18	000262	0022410658	Võ Thị Tuyết Trinh	Nữ	Kinh	12/10/2004	Đồng Tháp	P.503-C1			13h40'	
19	000263	0022411847	Nguyễn Thanh Trọng	Nam	Kinh	17/5/2004	Cần Thơ	P.503-C1			13h50'	
20	000264	0022411742	Dương Thị Nhã Trúc	Nữ	Kinh	09/02/2004	Vĩnh Long	P.503-C1			13h50'	
21	000265	0022410061	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Nữ	Kinh	09/01/2004	Tiền Giang	P.503-C1			14h00'	
22	000266	0022411501	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	Kinh	29/6/2004	TP HCM	P.503-C1			14h00'	
23	000267	0022411362	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	Kinh	06/8/2004	Hậu Giang	P.503-C1			14h10'	
24	000268	0022410117	Trần Kiều Thanh Trúc	Nữ	Kinh	16/6/2004	Đồng Tháp	P.503-C1			14h10'	

Tổng số thí sinh: 24

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000269	0022411069	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	05/4/2004	Vĩnh Long	P.504-C1		14h20'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1	
2	000270	0021413481	Huỳnh Quốc	Trung	Nam	Kinh	17/7/2003	Bạc Liêu	P.504-C1		14h20'		
3	000271	0022411484	Nguyễn Phước	Trung	Nam	Kinh	27/6/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		14h30'		
4	000272	0022411578	Lê Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	09/02/2004	An Giang	P.504-C1		14h30'		
5	000273	0022410522	Mai Thị Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	24/6/2004	Bình Phước	P.504-C1		14h40'		
6	000274	0022410703	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	01/7/2004	Bến Tre	P.504-C1		14h40'		
7	000275	0022410029	Trịnh Hồ Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	17/02/2004	Bến Tre	P.504-C1		14h50'		
8	000276	0022411716	Nguyễn Hoài Anh	Tuấn	Nam	Kinh	15/11/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		14h50'		
9	000277	0020410631	Từ Hoàng	Tuấn	Nam	Kinh	15/02/2002	Đồng Tháp	P.504-C1		14h50'		
10	000278	0022410750	Cao Tiểu	Tuệ	Nữ	Kinh	18/4/2004	An Giang	P.504-C1		14h50'		
11	000279	0022411735	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	Kinh	08/9/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		12h30'		
12	000280	0022412529	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	Kinh	14/9/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		12h30'		
13	000281	0022410339	Nguyễn Trương Ngọc	Tuyền	Nữ	Kinh	12/6/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		12h40'		
14	000282	0022410915	Bùi Thị Ánh	Tuyết	Nữ	Kinh	20/12/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		12h40'		
15	000283	0022410108	Đinh Nguyễn Minh	Tuyết	Nữ	Kinh	22/02/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		12h50'		
16	000284	0022411338	Dương Hoài	Ứng	Nam	Kinh	25/11/2003	Cà Mau	P.504-C1		12h50'		
17	000285	0022412675	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	Nữ	Kinh	15/11/2004	Tiền Giang	P.504-C1		13h00'		
18	000286	0022411672	Phạm Thị Kim	Uyên	Nữ	Kinh	15/5/2004	Bến Tre	P.504-C1		13h00'		
19	000287	0022412750	Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	Kinh	16/7/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		13h10'		
20	000288	0022410973	Nguyễn Lâm Thúy	Vân	Nữ	Kinh	30/10/2004	Long An	P.504-C1		13h10'		
21	000289	0022411630	Châu Ngọc	Vàng	Nữ	Kinh	21/10/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		13h20'		
22	000290	0022410527	Dương Tường Thảo	Vi	Nữ	Kinh	06/7/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		13h20'		
23	000291	0022411705	Đào Đại	Vĩ	Nam	Kinh	19/5/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		13h30'		
24	000292	0022410488	Đặng Quốc	Việt	Nam	Kinh	21/3/2003	TP HCM	P.504-C1		13h30'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 81, ngày 20/01/2024

PHÒNG THI SỐ: 13

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000293	0019410121	Huỳnh Quốc Vinh	Nam	Kinh	28/11/2001	Sóc Trăng	P.505-C1			13h40'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1
2	000294	0022411503	Nguyễn Trung Vĩnh	Nam	Kinh	07/01/2004	An Giang	P.505-C1			13h40'	
3	000295	0022411176	Lê Tuấn Vũ	Nam	Kinh	11/8/2004	Long An	P.505-C1			13h50'	
4	000296	0022412505	Hồ Thụy Tường Vy	Nữ	Kinh	25/9/2004	Tiền Giang	P.505-C1			13h50'	
5	000297	0022412661	Nguyễn Lê Thảo Vy	Nữ	Kinh	11/9/2004	Kiên Giang	P.505-C1			14h00'	
6	000298	0022410033	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	Kinh	07/8/2004	Bến Tre	P.505-C1			14h00'	
7	000299	0022412210	Nguyễn Tường Vy	Nữ	Kinh	07/8/2004	Bến Tre	P.505-C1			14h10'	
8	000300	0022410086	Phạm Thị Trúc Vy	Nữ	Kinh	24/6/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h10'	
9	000301	0022410941	Trương Thị Nhã Vy	Nữ	Kinh	24/9/2003	Bến Tre	P.505-C1			14h20'	
10	000302	0022410790	Phạm Thanh Xuân	Nữ	Kinh	12/02/2004	Trà Vinh	P.505-C1			14h20'	
11	000303	0022411228	Lê Thị Tú Xương	Nữ	Kinh	11/6/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h30'	
12	000304	0022411722	Bùi Thị Như Ý	Nữ	Kinh	14/7/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			14h30'	
13	000305	0022410921	Nông Thị Như Ý	Nữ	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h40'	
14	000306	0022412591	Võ Thị Như Ý	Nữ	Kinh	11/4/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h40'	
15	000307	0022412634	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	26/3/2004	Đồng Tháp	BL	505	BL	14h50'	
16	000308	0021410462	Bùi Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	09/01/2003	Đồng Tháp	BL	505	BL	14h50'	
17	000309	0021412733	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	07/3/2002	Đồng Tháp	BL	505	505	BL	
18	000310	0020410084	Lê Hoàng Thái	Nam	Kinh	21/11/2002	Đồng Tháp	BL	505	BL	BL	
19	000311	0021413402	Nguyễn Huỳnh Trân	Nữ	Kinh	19/01/2003	Cà Mau	BL	505	BL	BL	
20	000312	0022411777	Lê Thanh Tú	Nam	Kinh	10/6/1992	Đồng Tháp	505	505	BL	BL	
21	000313	0022412228	Biện Hà Uyên	Nữ	Kinh	03/9/2003	Cà Mau	BL	505	505	BL	
22	000314	0022411354	Đặng Thị Bích Vân	Nữ	Kinh	13/9/2004	Đồng Tháp	BL	505	BL	14h50'	
23	000315	0022411389	Huỳnh Như Ý	Nữ	Kinh	03/01/2004	Cần Thơ	BL	505	BL	14h50'	

Tổng số thí sinh: 23